

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12/4/2018.

V/v: Không công nhận vợ chồng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và bà Đinh Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:
Anh Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc không công nhận vợ chồng; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX- ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1968; (có mặt)

STQ: Tiểu khu M, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1965; (vắng mặt)

STQ: Tiểu khu M, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn Chị Bùi Thị C trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn năm 1985, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu ngay. Vợ chồng có thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2015. Nguyên nhân là do anh T hay uống rượu và lấy cớ chửi, đánh chị nhiều lần. Bản thân chị đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng không có kết quả, có lần chị phải mời chính quyền địa phương vào để can thiệp. Nhưng sau đó anh T không thay đổi vẫn tiếp tục gây sự chửi bới chị. Do không chịu đựng được cuộc sống chung như vậy nên đến tháng 4 năm 2015 anh, chị đã sống ly thân. Từ đó đến nay, giữa anh, chị và gia đình hai bên cũng không có hàn gắn, hòa giải để anh, chị về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy, chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Trần Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Anh, Chị có hai con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 08/8/1984 và Trần Văn C, sinh ngày 07/3/1989. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, do vậy Chị không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên chị không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài yêu cầu Tòa án không công nhận anh, Chị là vợ chồng, Chị không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai và lời khai tiếp theo bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị Bùi Thị C kết hôn với nhau năm 1985 theo phong tục tập quán địa phương, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu nhau nhưng không đi đăng ký kết hôn vì lý do khi đó chị C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Cưới xong chị C về chung sống cùng anh ngay. Vợ chồng có thời gian dài sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 01 năm 2018. Nguyên nhân là do đất ở của con anh bỏ tiền ra mua nhưng chị C lại làm thủ tục đứng tên em ruột chị C là anh Bùi Văn Quyết. Thuế đất là do anh đóng, anh đã bảo chị C làm thủ tục sang tên cho con nhưng chị C không đồng ý. Từ đó vợ chồng đã dẫn đến cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung, anh có chửi chị C nhưng anh không đánh đập chị C. Do vợ chồng không dàn xếp được nên chị C đã bỏ về nhà để ở từ tháng 01 năm 2018 và không quay lại chung sống cùng anh nữa. Bản thân anh và gia đình hai bên cũng không có hàn gắn cho vợ chồng về đoàn tụ. Anh, chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay anh xác định vợ chồng mâu thuẫn xảy ra không có gì lớn, anh mong muốn chị C về đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là Trần Văn Q, sinh ngày 08/8/1984 và Trần Văn C, sinh ngày 07/3/1989. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, do vậy anh không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên anh không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Bùi Thị C giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không có yêu cầu, đề nghị nào khác. Anh Trần Văn T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cũng như xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 8 điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Bùi Thị C và anh Trần Văn T.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 31/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Trần Văn T. Anh T không viết bản tự khai và đề nghị Tòa án lấy lời khai của anh, tuy nhiên ngày 07/02/2018 anh T đã có đơn đề nghị Tòa án xin được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và khi xét xử. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo theo trình tự thủ tục chung.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị C và anh Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 1985, hôn lễ được tổ chức theo nghi lễ phong tục tập quán tại địa phương, anh, chị đều thừa nhận là hai bên không đi đăng ký kết hôn vì khi đó chị C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND thị trấn N nơi anh, Chị sinh trú quán, song UBND thị trấn N xác nhận qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu trữ cho đến nay không có tên chị Bùi Thị C và anh Trần Văn T. Do vậy có cơ sở kết luận chị Bùi Thị C và anh Trần Văn T từ khi kết hôn cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa chị Bùi Thị C và anh Trần Văn T không được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau, bản thân chị C xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, phía anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, anh mong muốn chị C quay về đoàn tụ. Tuy nhiên tại phiên tòa chị C không đồng ý quay lại chung sống cùng anh T. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2

điều 53, khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa Chị Bùi Thị C và anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị C và anh T xác nhận các con đã trưởng thành, do vậy anh, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, ruộng đất: Các bên đương sự không có gì vướng mắc do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 271 và điều 273 Bộ luật tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận Chị Bùi Thị C và anh Trần Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Không giải quyết.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu số: AA/2017/0001582 ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện Yên Dũng (xác nhận chị C đã nộp đủ án phí).

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./

Nơi nhân:

- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn N;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Lý-Đinh Thị Thu Huyền

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhân:

- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn N;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Lý-Đinh Thị Thu Huyền

Vũ Tân Thịnh

Nội nhân:

- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Lý-Đào Xuân Thịnh

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- T.H.A Dân sự huyện Yên Dũng;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

L- ơng Ngọc Biên- Đào Xuân Thịnh

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- T.H.A Dân sự huyện Yên Dũng;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

L- ơng Ngọc Biên- Đào Xuan Thịnh

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhân:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- T.H.A Dân sự huyện Yên Dũng;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà